

ĐÔ THỊ HOÁ VÀ MỘT SỐ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ Ở VIỆT NAM

Bùi Thị Thiêm^(*)

Cùng với lịch sử phát triển của xã hội loài người, sự hình thành các điểm dân cư, các trung tâm kinh tế, các thành phố lớn ở các quốc gia trên thế giới cũng ngày càng phát triển cả về số lượng, quy mô và tốc độ. Sự ra đời và phát triển của các cụm dân cư, cũng chính là tiền đề cho sự hình thành các đô thị, là cả một quá trình lịch sử. Các đô thị ra đời và phát triển cùng với những biến động về kinh tế, xã hội, chính trị trong các giai đoạn phát triển lịch sử của con người. Trong quá trình phát triển đó, đô thị cũng có những thay đổi cơ bản cả về khái niệm cũng như các chức năng của nó. Tuy nhiên, ở bất cứ phạm vi nào (về không gian và thời gian) thì đô thị cũng là các trung tâm kinh tế, chính trị và văn hoá của khu vực, là động lực chủ yếu của sự phát triển xã hội.

Đô thị hoá phản ánh quá trình chuyển dịch các hoạt động nông nghiệp (theo nghĩa rộng) một cách phân tán sang hoạt động phi nông nghiệp và tập trung trên một địa bàn thích hợp, hình thành nên những trung tâm kinh tế - chính trị - văn hoá của các tụ điểm dân cư, các vùng, miền và quốc gia.

Đô thị hoá với tư cách là kết quả trực tiếp của quá trình phát triển kinh tế - xã

hội nói chung là diện mạo gắn liền tất yếu với công nghiệp hoá - hiện đại hoá. Đó là quá trình chuyển đổi cơ cấu kinh tế từ một nước nông nghiệp sang một nước công nghiệp dưới tác động thúc đẩy của sự phát triển lực lượng sản xuất, khoa học, công nghệ và phân công lao động xã hội, từng bước hình thành nên hệ thống các trung tâm đô thị tách khỏi nông thôn. Những trung tâm này chuyên hoạt động sản xuất công nghiệp, thương mại, dịch vụ làm cho tỷ trọng kinh tế đô thị trong GDP và tỷ trọng lao động công nghiệp, dịch vụ trong tổng lao động xã hội ngày càng tăng cao còn tỷ trọng kinh tế và lao động nông nghiệp thì giảm tương đối.

Quy mô đô thị hoá các đô thị lớn của Việt Nam trong thời gian qua đã gia tăng đáng kể. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, tổng dân số của 4 đô thị lớn (Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng và Đà Nẵng) đã tăng mạnh từ mức 8,345 triệu người (chiếm tỷ trọng tương ứng là 46,9% và 12,6% trong tổng dân số của 3 vùng kinh tế trọng điểm và tổng dân số của cả nước) năm 1990 lên tới 10,349 triệu người (chiếm tỷ trọng tương ứng là 48,5% và 13,3% vào năm 2000). Như vậy, chỉ trong vòng hơn 10 năm qua, quy mô đô thị hoá của 4 đô thị lớn đã gia tăng khoảng 2,004

^(*) Th.S., Khoa Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội.

triệu dân, trong đó, mức dân số gia tăng của Thành phố Hà Nội, Thành phố Đà Nẵng và Thành phố Hồ Chí Minh tương ứng là 617,3 ngàn người, 182,4 ngàn người, 125,8 ngàn người và 1068,5 ngàn người. Xét theo khía cạnh kinh tế, điều này hàm ý quy mô thị trường đầu vào tiềm năng (lao động) và đầu ra (thị trường tiêu dùng) của 4 đô thị lớn đã và đang được mở rộng.

Quá trình đô thị hoá trước hết tạo cơ hội gia tăng quy mô dân số tại các đô thị lớn. Cũng giống như hầu hết các quốc gia khác, quá trình đô thị hoá ở Việt Nam đã tạo ra các luồng di dân từ nông thôn ra thành phố. Song hành với sự gia tăng mức độ tập trung dân số đô thị là sự gia tăng nguồn nhân lực, đặc biệt là nguồn nhân lực trong độ tuổi lao động ở khu vực thành thị. Trong thực tế, 4 đô thị lớn với diện tích tự nhiên chỉ bằng 1,75% diện tích tự nhiên của cả nước, nhưng lại tập trung khoảng 14,9% tổng số nhân khẩu thường trú từ 15 tuổi trở lên của cả nước. Trong đó, số nhân khẩu thường trú từ 15 tuổi trở lên của 4 đô thị lớn khu vực thành thị lại chiếm gần 40,4% tổng số nhân khẩu thường trú từ 15 tuổi trở lên của cả nước ở khu vực thành thị. Đây có thể được coi là một trong số các nguồn lực đầy tiềm năng để tạo ra hiệu quả kinh tế cao của đô thị. Nguồn lao động tại các đô thị lớn không chỉ dồi dào về số lượng mà còn có chất lượng khá cao so với mức bình quân chung của cả nước. Khoảng 28,5% tổng số lao động từ 15 tuổi trở lên hoạt động kinh tế thường xuyên có trình độ từ sơ cấp học nghề trở lên của cả nước đã và đang tập trung làm việc trên địa bàn của 4 đô thị lớn. Chính lực lượng lao động trẻ có tay nghề kỹ thuật này đã và đang

được xem như là một yếu tố đầu vào cơ bản của quá trình sản xuất để thúc đẩy sự tăng trưởng của kinh tế đô thị.

Đô thị hoá có mối liên quan khá chặt chẽ với tăng trưởng kinh tế, nó thúc đẩy tăng trưởng kinh tế thông qua cơ chế gia tăng hiệu quả kinh tế hội tụ đô thị đó. Thực tế cho thấy các đô thị lớn thường đạt tốc độ tăng trưởng kinh tế cao hơn nhiều so với tốc độ tăng trưởng bình quân chung của các vùng kinh tế trọng điểm và của cả nước, nhưng lại không đồng đều đối với các cấp đô thị và trên các vùng lãnh thổ. Hai đô thị lớn là Thủ đô Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh tăng trưởng gấp từ 1,5 đến 1,7 lần so với mức trung bình toàn quốc. Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân hàng năm của Thành phố Hà Nội là 15-16%, của Thành phố Hồ Chí Minh là 17-18%. Các đô thị cấp II tăng trưởng kinh tế với tốc độ 14-15%/năm, gấp 1,3-1,4 lần mức trung bình cả nước. Đặc biệt các thành phố mới hình thành trên cơ sở các ngành kinh tế có tốc độ phát triển cao tới 18-20%, như Thành phố Đà Nẵng gắn với cảng Dung Quất và nhà máy lọc dầu ở miền Trung, Thành phố Nhơn Trạch gắn với khu công nghiệp Tuy Hạ ở miền Nam; Đặc khu Bà Rịa - Vũng Tàu, Đồng Nai, Sông Bé, Hải Phòng, Quảng Ninh... Riêng ở Hà Nội đã và đang hình thành nhiều khu công nghiệp lớn, khu chế xuất với công nghệ cao như khu công nghiệp Sài Đồng, khu công nghiệp Sóc Sơn... Những khu đô thị này đã và đang góp phần to lớn thúc đẩy sự tăng trưởng kinh tế nhanh, mạnh của Hà Nội, của các tỉnh Bắc Bộ và tác động tích cực đến sự phát triển kinh tế của đất nước.

Quá trình đô thị hoá không chỉ thúc đẩy tăng trưởng kinh tế đô thị mà còn góp phần tích cực cải thiện đời sống của dân cư đô thị và các vùng lân cận. Thực tế, nhờ duy trì được tốc độ tăng trưởng kinh tế cao mà các đô thị lớn đã tạo ra nhiều cơ hội việc làm mới cho người dân, góp phần quan trọng vào việc nâng cao thu nhập của dân cư đô thị. Khi mức thu nhập bình quân của dân cư tăng lên thì nhu cầu chi tiêu đời sống của dân cư đô thị cũng tăng theo nhằm thoả mãn tốt hơn nhu cầu tiêu dùng cá nhân.

Dưới tác động của quá trình đô thị hoá, hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị nói chung và hệ thống cơ sở y tế như trạm xá, phòng khám, bệnh viện... của các đô thị đã và đang gia tăng cả về quy mô, số lượng và chất lượng. Lượng vốn đầu tư phát triển xã hội dành cho y tế và hoạt động cứu trợ xã hội của các đô thị ngày càng tăng. Nhờ có chi tiêu ngân sách y tế bình quân đầu người gia tăng cộng với những cải tiến đáng kể về cơ sở hạ tầng y tế, cũng như sự nâng cao cả về chất lượng và số lượng của đội ngũ y tá và bác sỹ mà người dân đô thị có thể tiếp cận được một cách dễ dàng hơn tới dịch vụ y tế chất lượng cao.

Quá trình đô thị hoá mang tính tất yếu khách quan không chỉ làm gia tăng hiệu quả kinh tế hội tụ sản xuất và tiêu dùng mà nó còn làm cho quy mô hội tụ đô thị có xu hướng tăng lên. Quá trình đô thị hoá đã đóng vai trò quan trọng đối với việc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế đô thị, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá và nâng cao mức sống cho người dân đô thị và góp phần tích cực trong việc tạo ra ảnh hưởng lan toả tích

cực đối với tăng trưởng kinh tế của các vùng kinh tế trọng điểm cũng như của cả nước. Tuy nhiên quá trình đô thị hoá cũng gây ra áp lực quá tải cho hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị, gia tăng sức ép về nhà ở, tăng ô nhiễm môi trường đô thị, tăng nguy cơ dẫn đến phát triển kinh tế đô thị không bền vững cũng như sự suy giảm chất lượng môi trường sống của các đô thị sẽ ngày càng lớn.

Trong giai đoạn hiện nay, Việt Nam đang bước vào giai đoạn công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, trong thời kỳ hậu công nghiệp của thế giới nên quá trình đô thị hoá sẽ diễn ra với quy mô lớn, tốc độ nhanh. Chất lượng của quá trình đô thị hoá sẽ có tác động rất mạnh tới tốc độ và chất lượng phát triển kinh tế xã hội của đất nước, không những hiện tại mà cả trong tương lai. Điều cần nhận rõ là quá trình đô thị hoá ở nước ta gắn liền với quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Do vậy, phải đảm bảo việc phát triển đô thị ở Việt Nam phù hợp với những yêu cầu của giai đoạn mới và đồng thời cũng thể hiện bản sắc dân tộc riêng có của nước ta. Vấn đề quan trọng trước hết là nhận thức về vị trí, vai trò của đô thị trong sự phát triển kinh tế xã hội của các vùng và trong cả nước để thực sự xây dựng đô thị phát triển bền vững. Mạng lưới về đô thị hoá ở Việt Nam dần hình thành và phát triển theo yêu cầu phát triển kinh tế xã hội ở mỗi giai đoạn khác nhau. Quá trình phân bố đô thị trên toàn lãnh thổ cũng tạo điều kiện thuận lợi cho việc khai thác thế mạnh của mỗi vùng, mỗi ngành đồng thời đáp ứng nhu cầu thiết yếu của mọi vùng trong

nước, bảo đảm cho các vùng đều có lợi và đều được hưởng thành quả của sự phát triển nói chung. Trong tương lai, các thành phố lớn được xem là những hạt nhân cơ bản, làm nòng cốt cho các chùm đô thị, tạo thành các vùng kinh tế trọng điểm, có khả năng thúc đẩy kinh tế phát triển ở các vùng nói riêng và toàn lãnh thổ nói chung. Từ nay đến năm 2020, trên cơ sở định hướng tập trung vào phát triển các ngành kinh tế then chốt và các vùng kinh tế trọng điểm, các đô thị lớn như Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh, Cần Thơ sẽ có mức tăng trưởng nhanh, vượt mức trung bình của cả nước. Các trung tâm phát triển này có ý nghĩa rất quan trọng trong thời kỳ phát triển mà nguồn vốn đầu tư còn hạn chế, việc xác định các điểm có sức đột phá, các trung tâm có khả năng vượt khung để tập trung cho đầu tư phát triển trong giai đoạn này là vấn đề có ý nghĩa lớn trong chiến lược đầu tư vốn của đất nước.

Đô thị hoá là một quá trình tất yếu diễn ra trong tiến trình công nghiệp hoá và hiện đại hoá đất nước. Với xu hướng hội nhập và toàn cầu hoá hiện nay, các đô thị nói chung và các đô thị lớn nói riêng chỉ có thể phát huy thực sự được chức năng “đầu tàu” thông qua hiệu ứng lan toả đối với các vùng, các khu vực khi và chỉ khi nó đạt được sự phát triển kinh tế nhanh và bền vững. Để phát triển hệ thống cần có những giải pháp phù hợp với yêu cầu trong giai đoạn mới. Cụ thể:

1. Vấn đề quy hoạch tổng thể các đô thị lớn

Để đảm bảo việc phát triển đô thị ở Việt Nam đáp ứng yêu cầu của giai đoạn

mới, cần sớm chuẩn bị Bộ Luật xây dựng đô thị, theo đó bên cạnh những quy định cải tạo đô thị cũ thành đô thị theo tiêu chuẩn mới (gồm cả kinh tế, văn hoá, giáo dục, y tế, lối sống...) là những quy định xây dựng đô thị hoàn toàn mới, gắn với các khu công nghiệp, khu chế xuất. Bộ Luật xây dựng đô thị phải có liên hệ mật thiết với Luật Đầu tư nước ngoài. Thực hiện quản lý Nhà nước theo pháp luật và cải cách hành chính quốc gia, hoàn thiện hệ thống luật và các quy định dưới luật về xây dựng và quản lý đô thị.

Cần có quy hoạch tổng thể không gian phát triển kinh tế xã hội cho giai đoạn trước mắt và dự báo phát triển đô thị cho 40 đến 50 năm sau. Các cấp chính quyền quản lý đô thị cần hoàn thành công tác quy hoạch phát triển tổng thể đô thị, quy hoạch phát triển chi tiết đô thị theo ngành, theo vùng, quy hoạch kiến trúc đô thị phải gắn liền với quy hoạch môi trường đô thị.

2. Về vấn đề quản lý dân số và phát triển nguồn nhân lực

Trong quá trình đô thị hoá, xu hướng chuyển dịch dân cư, lao động từ nông thôn ra thành thị là phổ biến, vì thế cần chú trọng hạn chế việc tăng cơ học dân số đô thị đột biến và xây dựng kế hoạch toàn diện gắn với việc quản lý dân số và giải quyết việc làm, đặc biệt là ở các thành phố lớn, những đô thị tập trung đông dân như Hà Nội, Hải Phòng, Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Vũng Tàu.

Trong chiến lược phát triển đô thị cần bảo đảm sự cân đối giữa sự phát triển các thành phố lớn, các trung tâm với phát triển hợp lý các đô thị trung bình và phát

triển mạnh các đô thị nhỏ nhằm điều chỉnh và hạn chế các dòng di dân đông đúc từ các vùng nông thôn vào các thành phố lớn và điều chỉnh hợp lý hơn sự phân bố dân cư giữa nông thôn và thành thị, giảm sức ép về dân số và việc làm ở khu vực đô thị. Chú trọng phát triển các ngành công nghiệp thu hút nhiều lao động ở các thành phố vệ tinh, quanh các đô thị lớn. Đẩy nhanh quá trình đô thị hoá nông thôn và xây dựng nông thôn mới nhằm tạo thêm cơ hội kiếm việc làm và tăng nguồn thu nhập cho nông dân. Bên cạnh đó, cần có chính sách khuyến khích lao động có trình độ đến các vùng nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng xa. Đây cũng chính là vấn đề tạo khả năng giảm tỷ lệ thất nghiệp vốn đã cao ở khu vực thành thị.

3. Xây dựng cơ sở hạ tầng

Vấn đề quy hoạch tổng thể phát triển cơ sở hạ tầng các đô thị lớn không những đáp ứng nhu cầu hiện tại và tương lai của dân cư đô thị, mà nó còn đảm bảo tính chất phát triển bền vững của đô thị. Cần chú trọng từ khâu thiết kế cơ sở hạ tầng, nắm bắt được xu hướng phát triển trong tương lai, xây dựng đồng bộ kết cấu hạ tầng, trước hết là hạ tầng kỹ thuật, trên cơ sở sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường và sinh thái đô thị, tổ chức hợp lý và khoa học các khu chức năng chủ yếu của đô thị. Hoàn thiện đồng bộ hệ thống đường giao thông, hệ thống cung cấp điện, cấp nước, thoát nước và xử lý rác thải... để đảm bảo vệ sinh môi trường.

Trong quy hoạch tổng thể đô thị cần đảm bảo sự hợp lý và thuận tiện cho sinh hoạt dân cư thông qua việc bố trí hợp lý các khu vực nhà ở, khu vực đỗ xe, trường học,

bệnh viện, khu vui chơi giải trí, hệ thống giao thông công cộng... Bên cạnh đó cũng cần chú ý tới việc quản lý về mặt thẩm mỹ kiến trúc để đảm bảo kết hợp tính chất văn minh hiện đại với giữ gìn bản sắc dân tộc.

Ưu tiên phát triển giao thông công cộng để giảm bớt số lượng phương tiện giao thông cá nhân để vừa tiết kiệm chi phí giao thông, vừa hạn chế tai nạn giao thông, vừa giảm tổn thất do tắc nghẽn giao thông, vừa đảm bảo vệ sinh môi trường. Trên cơ sở định hướng phát triển giao thông hành khách công cộng trong các đô thị lớn, đến năm 2020 đáp ứng được khoảng 50 - 60% nhu cầu đi lại của dân cư.

4. Xây dựng chính sách quản lý môi trường các đô thị lớn

Nhằm hạ thấp nguy cơ dẫn đến suy giảm chất lượng môi trường sống đô thị thì Luật Bảo vệ môi trường cũng như các văn bản hướng dẫn Luật Bảo vệ môi trường trong phát triển đô thị cần phải được quán triệt đến tận người dân để mọi người dân đô thị thực hiện theo luật một cách nghiêm túc. Cần xây dựng và ban hành đồng bộ các văn bản pháp lý về quản lý và kiểm soát các chất thải rắn, lỏng, khí đồng thời có quy định rõ ràng về xử phạt hành chính đối với các tác nhân gây ô nhiễm môi trường đô thị.

Thông qua quy hoạch hợp lý các khu công nghiệp mới, các khu sản xuất tập trung, đặc biệt là các khu công nghiệp có thải khói bụi và khí độc xa khu dân cư và để giảm ô nhiễm môi trường. Đầu tư cải tạo và xây dựng mới hệ thống thoát nước thải và xử lý nước thải hợp lý đồng thời quy hoạch xây dựng các bãi chứa rác thải

xa thành phố với thiết kế có quy trình vận hành một cách khoa học, có biện pháp chống thấm các chất bẩn độc hại vào lòng đất, không để gây ô nhiễm các nguồn nước.

5. Thúc đẩy kinh tế đô thị tăng trưởng nhanh

Để đẩy mạnh quá trình đô thị hoá cần có những tác động tích cực nhằm phát triển kinh tế đô thị với tốc độ cao. Chính sự ràng buộc có giới hạn về tính khan hiếm của các nguồn lực đã khiến chúng ta phải lựa chọn các nhân tố quyết định tới tăng trưởng kinh tế đô thị. Một trong các yếu tố được xem là quan trọng nhất chính là vốn đầu tư phát triển xã hội. Thúc đẩy việc huy động vốn đầu tư dựa trên cơ sở gia tăng nguồn vốn tự có của các đô thị. Khuyến khích các doanh nghiệp thuộc khu vực nhà nước, khu vực ngoài quốc doanh và khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tự bỏ vốn đầu tư vào phát triển cơ sở hạ tầng qua các hình thức liên doanh, liên kết, đầu tư 100% vốn nước ngoài hay là BT, BOT...

Cần có chính sách phát triển khoa học và công nghệ đáp ứng được yêu cầu phát triển của giai đoạn mới. Hoạt động khoa học và công nghệ cần được quan tâm và đầu tư thích đáng hơn nữa thông qua việc gia tăng tỷ trọng vốn đầu tư phát triển/GDP của các đô thị lớn cho hoạt động công nghệ và dịch vụ tư vấn công nghệ. Có chính sách khuyến khích kinh tế các đô thị lớn chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá, nâng cao tỷ suất đổi mới công nghệ và tỷ trọng của công nghệ hiện đại trong các ngành kinh tế đô thị đồng thời tăng hiệu quả sử dụng vốn

và quy mô vốn đầu tư vào các ngành có sử dụng công nghệ cao.

6. Thực hiện đồng bộ các chính sách xã hội

Trước thực trạng đô thị hoá ở nước ta hiện nay, bên cạnh việc hoàn thiện hệ thống pháp luật và chính sách vĩ mô quản lý đô thị, cần có sự chú trọng phối hợp đồng bộ giữa các ban ngành liên quan để thực hiện các chính sách đã ban hành. Tăng cường hiệu lực bộ máy quản lý nhà nước, thực hiện cải cách hành chính việc quản lý các đô thị, nhất là tổ chức lại bộ máy quản lý. Cần phân cấp quản lý rõ ràng, quy định rõ chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan, bộ phận, khắc phục tình trạng chồng chéo, lấn sân, gây phiền hà cho quản lý.

Nâng cao trình độ dân trí, trình độ của cán bộ quản lý đô thị, xây dựng nếp sống văn hoá, văn minh công nghiệp cho mọi thành viên trong cộng đồng đô thị là nhiệm vụ cơ bản nhằm thực hiện có hiệu quả hệ thống pháp luật, chính sách quản lý đô thị.

Nghiên cứu ban hành Luật về nhà ở cho người dân đô thị, cải cách thủ tục đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu, chuyển nhượng và mua bán nhà ở, khắc phục tình trạng sử dụng quỹ đất nông nghiệp vào xây dựng đô thị không theo quy hoạch, thực hiện tốt chính sách đền bù giải phóng mặt bằng, khuyến khích các thành phần kinh tế với ưu đãi về vay vốn tín dụng trong công tác xây dựng nhà ở cho dân, thực hiện tốt chủ trương Nhà nước và nhân dân cùng làm.

Để quá trình đô thị hoá phát triển đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và đưa Việt Nam từng bước tiến kịp và vượt các nước trong khu vực, hoà nhập cộng đồng quốc tế, cần phải có một hệ thống các chính sách và giải pháp đồng bộ và toàn diện, có tác động tích cực tới phát

triển nền kinh tế quốc dân nói chung và phát triển kinh tế xã hội các đô thị nói riêng. Quá trình này đòi hỏi sự phối hợp nhịp nhàng giữa những nỗ lực của cả Nhà nước, các địa phương, các tổ chức kinh tế xã hội, các tập thể cũng như từng thành viên xã hội, đặc biệt là người dân đô thị.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đặng Nguyên Anh, Phân bố dân cư và di cư ở Việt Nam qua cuộc tổng điều tra dân số và nhà ở năm 1999, *Tạp chí Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương*, số 6/2001
2. Trần Văn Chủ, Đô thị hoá và chính sách phát triển đô thị trong tiến trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở Việt Nam, *Tạp chí Nghiên cứu lý luận*, số 6/1997
3. Nguyễn Cao Đức, Quá trình đô thị hoá các đô thị lớn ở Việt Nam giai đoạn 1990-2000: Thực trạng và giải pháp, *Tạp chí Nghiên cứu kinh tế*, số 300, tháng 5/2003
4. Hoàng Ngọc Hoà, Quá trình đô thị hoá ở nước ta hiện nay - Những đặc điểm cần lưu ý, *Tạp chí Thông tin lý luận*, số 12/1997
5. Niên giám Thống kê 2000, 2001, 2002, NXB Thống kê Hà Nội.

VNU. JOURNAL OF SCIENCE, ECONOMICS-LAW, T.XX, N₀2, 2004

URBANIZATION AND SOME SOLUTIONS TO DEVELOP URBAN AREAS IN VIETNAM

MA. Bui Thi Thiem

Faculty of Economics, Vietnam National University, Hanoi

The process of reforming the economy, urbanization is a very special issue concerned by both researchers and policy makers. Urbanization strongly impacted on a nation's economic development, especially in the economy-open period. By analyzing the population, inhabitant allocation, environment, health, education and urban-related problems on economic development, the current situation of Vietnam's urbanization was exposes with its impacts on the nation economic development. Urbanization brought great achievements and contributions to modern human life. Yet, urbanization also had disadvantages and negative impacts on society and the stable development of economy.

Based on detailed analysis of urbanization, reflects the trend of developing urbanization in the future, giving solutions on the scheme, population control and human resources development, infrastructure construction and environment management policy...in order to have stable development for urban and take positive impacts on social-economic development of nation.